

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/KDTM – ST**

Ngày: 21/01/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Vũ Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 08/01/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2021/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 28, cao ốc S, số 37 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Hoàng T, sinh năm: 1997 (*có mặt*), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 48.2020/GUQ-COL ngày 01/04/2020 và Giấy ủy quyền số: 144.2020/GUQ-COL ngày 19/11/2020).

Bị đơn: Công ty cổ phần L

Địa chỉ trụ sở chính: Số 243/9/10L đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Kiên C, sinh năm: 1986 (*vắng mặt*), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 03/2021/GUQ-LA ngày 30/03/2021).

Địa chỉ: Số 163/21/23Q đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1967 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 27A đường N, Phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1972 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 243/22 đường T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Hồ Hoàng T trình bày:**

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703 ngày 02/12/2019 (sau đây viết tắt là “Hợp đồng thuê”) với Công ty cổ phần L. Cụ thể như sau:

Tài sản Công ty L thuê tài chính là: Một (01) Trạm trộn bê tông nhựa nóng, hiệu TB AP 1350 CB-CK-TĐ, công suất 120 tấn/giờ; Một (01) Trạm trộn bê tông xi măng, công suất 120 m³/giờ (sau đây viết tắt là “Tài sản thuê”).

Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty L, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán cùng ngày 02/12/2019 của cá nhân ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H. Theo đó, trường hợp Công ty L không thực hiện thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê, ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty L.

Thực hiện Hợp đồng thuê nêu trên, ngày 03/12/2019 Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q ký hợp đồng mua bán để mua các tài sản từ Công ty cổ phần Âu Lạc và cho Công ty L thuê lại với hình thức cho thuê tài chính. Tổng giá trị của các tài sản là 8.873.000.000 đồng, trong đó Công ty L trả trước 3.815.390.000 đồng và Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q tài trợ một phần vốn là 5.057.610.000 đồng (chính là giá trị thuê). Ngày 09/12/2019, Công ty L đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Ngày 17/12/2019, Hợp đồng thuê được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm.

Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 09/12/2019 đến ngày 15/12/2022.

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q cộng với biên độ 3.22%/năm. Theo đó, mức lãi suất thuê tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 10.5%/năm.

Hàng tháng, Công ty L phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty L trả hết

toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu đối với Tài sản thuê.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, trường hợp Công ty L vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán thì Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty L bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty L đã thanh toán không đúng hạn ngay từ những kỳ đầu tiên. Tính đến lần thanh toán gần nhất vào ngày 07/8/2020, Công ty L chỉ thanh toán được cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q 04 kỳ tiền thuê trên tổng 36 kỳ và hiện chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào.

Do Công ty L thường xuyên thanh toán trễ hạn, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã liên hệ nhiều lần để yêu cầu thanh toán và tiến hành làm việc trực tiếp với đại diện Công ty L vào ngày 20/5/2020 và ngày 30/6/2020. Tuy nhiên, Công ty L không cung cấp được kế hoạch thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

Ngày 20/07/2020, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty L thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 22/07/2020 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 5.363.870.819 đồng.

Lần lượt vào các ngày 29/07/2020, 03/08/2020, 08/09/2020, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã phát hành các Thông báo về việc yêu cầu những người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán; Thông báo yêu cầu tự nguyện giao trả tài sản thuê và Thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên cho đến nay, những người bảo lãnh và Công ty L vẫn không phối hợp cùng giải quyết khoản nợ quá hạn hiện có.

Qua nhiều lần liên hệ, ngày 24/09/2020 Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã có buổi làm việc với đại diện Công ty L. Tại đây, Công ty L đưa ra các cam kết thanh toán như sau:

- Trong tháng 10/2020, thanh toán dứt toàn bộ khoản nợ quá hạn hiện có tính đến 15/10/2020 tương ứng với 400 triệu đồng.

- Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, có kế hoạch tắt toán toàn bộ Hợp đồng thuê.

Tuy nhiên cho đến nay, Công ty L vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê nào cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q, vi phạm nghiêm trọng cam kết thanh toán giữa các bên.

Vì vậy, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty cổ phần L thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 15/11/2021 là 5.864.881.362 đồng, trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc là: 4.596.142.499 đồng.

+ Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 22/7/2020 là 727.728.320 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn từ ngày 22/7/2020 đến 15/11/2021 là 541.010.543 đồng.

(Cách tính cụ thể tại bảng tính lãi ngày 15/11/2021)

Tiền lãi còn được tính từ ngày 16/11/2021 trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp Công ty cổ phần L không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Về tài sản thuê Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q không có yêu cầu thu hồi vì trong quá trình trả nợ nếu Công ty cổ phần L muốn bán tài sản thuê để trả bớt nợ thì hai bên sẽ thỏa thuận việc xử lý tài sản thuê sau.

*** Tại bản khai ngày 31/03/2021, đại diện bị đơn là ông Phạm Kiên C trình bày:**

Công ty cổ phần L có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703 ngày 02/12/2019 với Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q. Tài sản Công ty L thuê tài chính là 01 Trạm trộn bê tông nhựa nóng và 01 Trạm trộn bê tông xi măng để sản xuất bê tông phục vụ cho các dự án ở Kỳ Anh, Hà Tĩnh. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các dự án tại Hà Tĩnh chậm triển khai, Công ty L cũng phải tạm dừng sản xuất nên không có nguồn thu để thanh toán tiền thuê cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

Công ty L đề nghị Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q hỗ trợ Công ty L vượt qua giai đoạn khó khăn bằng cách cho Công ty L thanh toán tiền nợ gốc còn lại trong thời hạn 01 năm (trả đều trong 12 tháng), miễn 100% tiền lãi và tiền phạt quá hạn.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho Công ty cổ phần L (tại địa chỉ trụ sở chính công ty và địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền của công ty), ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Mai H các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Công ty cổ phần L chỉ đến Tòa án nộp bản tự khai ngày 31/03/2021, sau đó không đến làm việc và hòa giải; ông D và bà H không nộp bản tự khai cũng không đến làm việc và hòa giải. Ngày 15/11/2021, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa

giải được do đại diện Công ty cổ phần L vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn, ông Hồ Hoàng T trình bày:

Giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung:

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q yêu cầu Công ty cổ phần L:

+ Thanh toán ngay số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703 ngày 02/12/2019 tính đến ngày 21/01/2022 là: 5.964.186.377 đồng, bao gồm:

Nợ gốc là: 4.596.142.499 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 22/7/2020 là: 727.728.320 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 22/7/2020 đến 21/01/2022 là: 640.315.558 đồng.

Tiền lãi còn được tính từ ngày 22/01/2022 trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q không chấp nhận việc Công ty L đề xuất chỉ thanh toán tiền nợ gốc trong thời hạn 01 năm và miễn 100% tiền lãi, tiền phạt quá hạn.

+ Trường hợp Công ty L không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

+ Về 02 tài sản đã giao cho Công ty L theo Hợp đồng thuê, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q không yêu cầu thu hồi trong vụ án này.

- Đại diện Công ty L: Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Mai H: Vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Tuy nhiên thời hạn đưa vụ án ra xét xử chậm so với quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q có ký Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty L. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê. Số tiền còn nợ tính đến ngày 21/01/2022 là 5.964.186.377 đồng (trong đó nợ gốc là 4.596.142.499 đồng).

Công ty L đề xuất được thanh toán tiền nợ gốc trong thời hạn 01 năm và miễn 100% tiền lãi, tiền phạt quá hạn nhưng không được Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q chấp nhận. Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q yêu cầu Công ty L phải trả ngay một lần số nợ gốc và lãi là đúng quy định pháp luật, đúng thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng thuê.

Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H đã bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho Công ty L theo thư bảo lãnh thanh toán ngày 02/12/2019 đúng quy định. Do đó, trường hợp Công ty L không thực hiện thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì ông D và bà H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”. Bị đơn có trụ sở tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho Công ty cổ phần L (tại địa chỉ trụ sở chính công ty và tại địa chỉ của người đại diện theo pháp luật công ty), ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H nhưng đại diện Công ty L, ông D, bà H đều vắng mặt. Xét thấy việc đại diện Công ty L, ông D, bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Công ty L, ông D, bà H theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 02/12/2019, giữa Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và Công ty cổ phần L ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703. Theo đó, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q cho Công ty L thuê 02 loại tài sản gồm: 01 Trạm trộn bê tông nhựa nóng, hiệu TB AP 1350 CB-CK-TĐ, công suất 120 tấn/giờ; 01 Trạm trộn bê tông xi măng, công suất 120 m³/giờ. Các tài sản này xác định bởi Hợp đồng mua bán số: B191118703-PC ngày 03/12/2019 ký giữa Bên bán là Công ty cổ phần Âu Lạc và Bên mua là Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q cùng hóa đơn bán hàng ngày 03/12/2019 của Công ty cổ phần Âu Lạc.

Ngày 02/12/2019, ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H ký Thư bảo lãnh cá nhân cam kết trường hợp Công ty L không thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì ông D, bà H sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty L.

Ngày 09/12/2019, Công ty L ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Ngày 17/12/2019, Hợp đồng thuê được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty L không thanh toán tiền thuê đúng hạn nên Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q yêu cầu Công ty L phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 21/01/2022 là 5.964.186.377 đồng; đồng thời yêu cầu ông D, bà H phải thực hiện trách nhiệm của người bảo lãnh.

Xét thấy, Công ty L đã thừa nhận có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703 ngày 02/12/2019 với Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q. Thời hạn Hợp đồng thuê là 36 tháng, từ ngày 09/12/2019 đến ngày 15/12/2022. Xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty L đã không thanh toán tiền thuê đúng hạn. Sau nhiều lần nhắc nợ, ngày 20/07/2020, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q ra Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và yêu cầu Công ty L thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 22/07/2020 là 5.363.870.819 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 24/09/2020, đại diện Công ty L cam kết sẽ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q toàn bộ khoản nợ quá hạn hiện có tính đến 15/10/2020 số tiền là 400.000.000 đồng; từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, có kế hoạch tắt toán toàn bộ Hợp đồng thuê. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty L vẫn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền thuê nào cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

Từ đó cho thấy phía Công ty L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản quy định trong Hợp đồng thuê. Theo quy định tại Mục 26.2 Điều 26 của Hợp đồng thuê thì *hợp đồng thuê chấm dứt trước hạn khi Bên thuê không thanh toán tiền thuê như quy định tại Điều 7 và các khoản tiền khác quy định trong Hợp đồng thuê trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm đến hạn*. Như vậy

việc Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q chấm dứt Hợp đồng thuê và yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền còn nợ gốc và lãi là có cơ sở chấp nhận.

Tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc đã được Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q tính đúng theo sự thỏa thuận của hai bên tại Mục 26.3.1 Điều 26 của Hợp đồng thuê và Điểm c Khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cụ thể được thể hiện tại bảng tính lãi ngày 21/01/2022 của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

Nợ gốc còn lại là: 4.596.142.499 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê ngày 22/7/2020 là: 727.728.320 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 22/7/2020 đến 21/01/2022 là: 640.315.558 đồng.

Do đó chấp nhận yêu cầu của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q, buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng cho thuê tài chính tính đến ngày 21/01/2022 là 5.964.186.377 đồng. Tiền lãi còn được tính từ ngày 22/01/2022 trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Việc Công ty L đề xuất được thanh toán tiền nợ gốc trong thời hạn 01 năm và miễn 100% tiền lãi, tiền phạt quá hạn nhưng không được Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q chấp nhận mà Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q yêu cầu Công ty L phải trả ngay. Xét số tiền nợ gốc và lãi 5.964.186.377 đồng phát sinh đã lâu, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q nên không có căn cứ để chấp nhận phương thức trả dần theo đề nghị của Công ty L.

Xét thư bảo lãnh thanh toán cùng ký ngày 02/12/2019 của cá nhân ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H có nội dung: *Bằng thư này Bên bảo lãnh đồng ý rằng trong trường hợp Bên thuê không thể thực hiện được bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, Bên bảo lãnh phải thực hiện các nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của Bên cho thuê mà Bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo Hợp đồng thuê....* Nội dung bảo lãnh là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 342 của Bộ luật Dân sự .

Vào các ngày 29/07/2020, 03/08/2020, 08/09/2020 Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q đã phát hành các Thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H là những người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán (có phiếu báo chuyên thư), nhưng cho đến nay, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q vẫn không thu hồi được khoản tiền nào. Do đó khi Công ty L không thực hiện việc thanh toán hết số nợ cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q thì

ông D và bà H phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền Công ty L còn phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

Về các tài sản cho thuê tài chính, do Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

[4] Về án phí: Công ty L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q) là 113.964.186 đồng. Trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 335, 342, 351 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q

1.1. Công ty cổ phần L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703 ngày 02/12/2019 ký giữa Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và Công ty cổ phần L, tổng số tiền là: 5.964.186.377 đồng (năm tỷ, chín trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng) (trong đó nợ gốc là 4.596.142.499 đồng, nợ lãi là 1.368.043.878 đồng).

Tiền lãi quá hạn còn tiếp tục tính từ ngày 22/01/2022 trên dư nợ gốc tương ứng đến ngày thực trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B191118703 ngày 02/12/2019.

1.2. Khi Công ty cổ phần L không thực hiện việc thanh toán hết số nợ (theo mục 1.1 nêu trên) cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q thì ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Mai H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền Công ty cổ phần L còn phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 113.964.186 đồng (một trăm mười ba triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng) do Công ty cổ phần L chịu.

Hoàn lại cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.715.574 đồng (năm mươi sáu triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, năm trăm bảy mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0049877 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần L, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị Mai H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền